

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN B  
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HS-ST  
Ngày: 23-02-2021.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BẮC KẠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông **Hoàng Anh Tuấn**.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà: **Bế Thị Thu Trang**.

Ông: **Lý Anh Dũng**.

- *Thư ký phiên toà:* Bà **Hoàng Thị Ưu** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên toà:* Ông **Ma Thế Thiện** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 10/2021/TLST-HS, ngày 26 tháng 01 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 02 năm 2021, đối với bị cáo:

**Nông Văn Đ**, sinh ngày 01/01/1996 tại huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay: T2, thị trấn Ch, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn X và bà Nguyễn Thị Ng; Vợ, con: Chưa có; tiền án: 01 (Ngày 27/12/2017 bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” (Bản án số 18/2017/HS-ST)); tiền sự: Không. Nhân thân: Xấu. Bị cáo tại ngoại cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

\* *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Lý Văn Tr - Trợ giúp viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

\* *Bị hại:* Anh Trần Quang Kh, sinh ngày 14/01/1984. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt). Hộ khẩu thường trú: Thôn Ph, xã Ph S, huyện B, thành phố Hà Nội. Tạm trú tại: T2, thị trấn Ch, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

\* *Người làm chứng:*

- Chị Dương Thị Tr; sinh năm 1993. Vắng mặt.
- Anh Hoàng Văn Th; sinh năm 1994. Vắng mặt.
- Bà Vũ Thị L; sinh năm 1960. Vắng mặt.
- Chị Doãn Thị Th; sinh năm 1984. Vắng mặt.
- Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1966. Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 30 phút, ngày 08/9/2020, khi Nông Văn Đ đang ngồi ở hiên dãy nhà trọ của ông Nông Văn H sát nhà Đ thì thấy anh Trần Quang Kh là người thuê trọ điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 29V1 - 666.84 về phòng trọ, dựng xe trước cửa phòng rồi đi vào phòng đóng cửa lại, một lúc sau Đ quan sát xung quanh không thấy có người nên tiến đến chiếc xe dùng tay kéo yên lên, luồn tay vào trong cốp lấy được 01 chiếc ví, bị cáo Đ mở ra kiểm tra thấy có tiền cùng một số giấy tờ, bị cáo lấy hết số tiền rồi nhét ví vào cốp xe và đếm được 890.000<sup>d</sup> (*Tám trăm chín mươi nghìn đồng*) (gồm các tờ mệnh giá: 01 tờ 500.000 đồng, 03 tờ 100.000 đồng, 01 tờ 50.000 đồng, 02 tờ 20.000 đồng). Sau khi lấy trộm được tiền bị cáo đã tiêu sài cá nhân hết, cụ thể: Bị cáo dùng số tiền 460.000<sup>d</sup> (*Bốn trăm sáu mươi nghìn đồng*) để mua quần áo tại cửa hàng của chị Dương Thị Tr, 200.000<sup>d</sup> (*Hai trăm nghìn đồng*) mua rượu và thức ăn tại quán cơm của chị Doãn Thị Th, 200.000<sup>d</sup> (*Hai trăm nghìn đồng*) trả tiền mua mèo của bà Vũ Thị L và 30.000<sup>d</sup> (*Ba mươi nghìn đồng*) trả tiền chơi điện tử ở quán Ineternet của anh Hoàng Văn Th.

Đến 19 giờ cùng ngày anh Trần Quang Kh mở cốp xe mô tô lấy tiền thì phát hiện bị mất số tiền 890.000<sup>d</sup> (*Tám trăm chín mươi nghìn đồng*) nên báo cơ quan chức năng yêu cầu giải quyết.

Trước đó, vào năm 2017 bị cáo Nông Văn Đ đã bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn xét xử về tội “*Trộm cắp tài sản*” và bị xử phạt bị cáo Đ 09 tháng tù. Bị cáo Đ đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa chấp hành phần trách nhiệm dân sự và án phí của bản án, do vậy bị cáo chưa được xóa án tích.

Với hành vi trên, Bản Cáo trạng số: 03/CT-VKSBB ngày 24/01/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố bị cáo Nông Văn Đ về tội: “*Trộm cắp tài sản*”, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Trước Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nông Văn Đ đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B duy trì quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo Nông Văn Đ theo Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Nông Văn Đ phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nông Văn Đ từ 06 đến 09 tháng tù.

- Về hình phạt bổ sung: Quá trình xác minh xác định bị cáo Nông Văn Đ thuộc hộ nghèo, không có tài sản gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại anh Trần Quang Kh với tổng số tiền là 890.000<sup>d</sup> (*Tám trăm chín mươi nghìn đồng*), anh Trần Quang Kh đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu bồi thường gì thêm. Tại phiên tòa không ai đề nghị bị cáo bồi thường thiệt hại. Do đó, về trách nhiệm dân sự đã thực hiện xong đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về vật chứng của vụ án: Không có.

- Về án phí: Bị cáo là hộ nghèo và có đơn xin miễn toàn bộ án phí nên đề nghị Hội đồng miễn án phí cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, người bào chữa và bị cáo nhất trí với tội danh, điều luật, mức hình phạt mà Kiểm sát viên đã đề nghị trong bản luận tội. Người bào chữa và bị cáo không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử cho hưởng hình phạt nhẹ nhất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên:* Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; quyết định tố tụng được ban hành đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử những người tham gia tố tụng không ai khiếu nại về quyết định, hành vi của Cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bị hại Trần Quang Kh vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt) và những người làm chứng chị Dương Thị Tr, anh Hoàng Văn Th, bà Vũ Thị L, chị Doãn Thị Th vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Tuy nhiên, tại cơ quan điều tra họ đã có lời khai

đầy đủ sự vắng mặt họ không ảnh hưởng đến việc xét xử của Tòa án. Căn cứ khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 của Bộ luật tố tụng Hình sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[3] *Về căn cứ định tội, định khung hình phạt*: Lời khai nhận tội của bị cáo Nông Văn Đ tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, biên bản sự việc, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường và bản ảnh hiện trường, lời khai của những người tham gia tố tụng và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Bản thân bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp.

Hành vi phạm tội của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản của người khác là khách thể được pháp luật hình sự Việt Nam bảo vệ mà còn làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây lo lắng cho quần chúng nhân dân trong việc quản lý tài sản. Bị cáo nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý, bảo vệ tài sản để lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt của anh Trần Quang Kh số tiền là 890.000<sup>d</sup> (*Tám trăm chín mươi nghìn đồng*). Tuy rằng số tiền bị cáo chiếm đoạt chưa đủ 2.000.000<sup>d</sup> (*Hai triệu đồng*) nhưng trước đó, ngày 27/12/2017 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” (Bản án số 18/2017/HS-ST), đến thời điểm bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản lần này chưa được xóa án tích nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Do vậy, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nông Văn Đ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Tội phạm và hình phạt quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

*“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*

...

*b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;...”*

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự để truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Cần xử lý bị cáo với mức án tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra để giáo dục bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung.

[4] *Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:*

- Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo có 01 tiền án (Ngày 27/12/2017 bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” (Bản án số 18/2017/HS-ST));

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là: “*Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại*”, “*Gây thiệt hại không lớn*” và “*Thành khẩn khai báo*” đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ngoài ra, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự của địa phương, hành vi của bị cáo khiến quần chúng nhân dân bất bình lên án. Bị cáo đã từng bị Tòa án xét xử và kết án về tội trộm cắp tài sản nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, thể hiện sự coi thường pháp luật của bị cáo. Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định mới cải tạo và giáo dục bị cáo trở thành người công dân lương thiện, có ích cho xã hội. Tuy nhiên, bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Cơ quan Điều tra công an huyện B đã tiến hành xác minh thể hiện bị cáo thuộc hộ nghèo không có tài sản gì nên không cần thiết phải có hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp với các quy định của pháp luật.

[5] *Về trách nhiệm dân sự:* Trong quá trình điều tra bị hại là anh Trần Quang Kh yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền là 890.000<sup>d</sup> (*Tám trăm chín mươi nghìn đồng*). Bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho anh Trần Quang Kh với tổng số tiền là 890.000<sup>d</sup> (*Tám trăm chín mươi nghìn đồng*), anh Trần Quang Kh đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu bồi thường gì thêm. Tại phiên tòa không ai đề nghị bị cáo phải bồi thường thiệt hại. Do đó về trách nhiệm dân sự đã thực hiện xong nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về vật chứng:* Không có.

[7] *Về các vấn đề khác:* Trong vụ án này có bà Vũ Thị L, chị Dương Thị Tr, anh Hoàng Văn Th, chị Doãn Thị Th là người đã bán hàng và nhận tiền mua hàng của bị cáo Đạt. Tuy nhiên, những người này không biết số tiền bị cáo dùng để mua hàng của họ là do phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý.

[8] *Về án phí:* Bị cáo được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] *Về quyền kháng cáo:* Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; Điều 38, điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo.

**1 - Tuyên bố:** Bị cáo Nông Văn Đ phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Xử phạt bị cáo Nông Văn Đ 09 (*Chín*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

**2 - Về án phí:** Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nông Văn Đ.

**3 - Về quyền kháng cáo:** Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Kạn; (1)
- VKSND tỉnh Bắc Kạn; (1)
- VKSND huyện B (2);
- Bị cáo, Người bào chữa; (2)
- Bị hại; (1)
- Chi cục THADS huyện B; (1)
- Công an huyện B; (2)
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Kạn; (1)
- THAHS; (1)
- Lưu hồ sơ vụ án; (1)
- Lưu Văn phòng. (1)

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Anh Tuấn**